

định hiện hành và phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.

### 3.3. Đối với các cơ sở tư nhân:

Các cơ sở văn hóa tư nhân chủ động trong việc tổ chức hoạt động, chịu trách nhiệm về hoạt động tài chính và các hoạt động của mình trước pháp luật.

### 3.4. Xử lý tài chính khi cơ sở giải thể, phá sản:

Khi cơ sở văn hóa ngoài công lập tuyên bố phá sản hoặc giải thể, việc xử lý tài chính tiến hành theo thứ tự ưu tiên sau:

- Các khoản chi phí theo quy định của pháp luật cho việc giải quyết giải thể, phá sản của cơ sở.

- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

- Các khoản nợ thuế.

- Các khoản nợ cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ:

+ Nếu giá trị tài sản còn lại của cơ sở đủ thanh toán các khoản nợ của các chủ nợ thì mỗi chủ nợ đều được thanh toán đủ số nợ của mình.

+ Nếu giá trị tài sản còn lại của cơ sở không đủ thanh toán các khoản nợ của các chủ nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng.

- Nếu giá trị tài sản còn lại của cơ sở sau khi đã thanh toán đủ số nợ của các chủ nợ mà vẫn còn thừa thì phần thừa này thuộc về:

+ Chủ cơ sở nếu là cơ sở tư nhân;

+ Các thành viên của cơ sở (bao gồm cả ngân sách nhà nước) nếu là cơ sở bán công, cơ sở dân lập.

## Phần III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về liên Bộ để xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin  
*Thủ trưởng*

NGUYỄN TRUNG KIÊN

### BỘ THƯƠNG MẠI

**THÔNG TƯ số 08/2000/TM-BTM ngày 12/4/2000 hướng dẫn việc cấp Giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia.**

*Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;*

*Căn cứ Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày*



24/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu nguyên liệu gỗ, lâm sản;

Căn cứ Văn bản số 281/CP-KTTH ngày 23/3/2000 của Chính phủ về việc nhập khẩu gỗ từ Campuchia;

Bộ Thương mại hướng dẫn thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia theo đường chính ngạch như sau:

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này điều chỉnh việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia theo đường chính ngạch, qua biên giới đất liền.

2. Gỗ nguyên liệu nêu trong Thông tư này là các loại gỗ tròn (đã bóc vỏ hoặc chưa bóc vỏ), gỗ xẻ, gỗ thanh thuộc mọi chủng loại.

Các loại ván nhân tạo, gỗ tận dụng từ bao bì nhập khẩu và mọi loại sản phẩm gỗ khác được nhập khẩu theo khoản 8, Điều 1 Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ, không thuộc diện điều chỉnh của Thông tư này.

3. Việc vận chuyển, giao nhận gỗ nhập khẩu được phép thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu Quốc gia sau:

1. Lệ Thanh (đường số 19).
2. Bu Pờ-răng (đường số 14).
3. Bô-nuê (đường số 13).
4. Xa Mát (đường số 22B).
5. Mộc Bài (đường số 22A).
6. Tịnh Biên (đường số 2).
7. Xà Xía (đường số 17).

8. Vĩnh Xương - Thường Phước (sông Tiền).

4. Các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành hàng phù hợp, đã đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu, nếu có hồ sơ đầy đủ và hợp lệ đều được quyền làm đơn xin nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia.

## II. HỒ SƠ XIN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Hồ sơ xin cấp Giấy phép nhập khẩu bao gồm:

1. Công văn đề nghị của doanh nghiệp, nêu rõ tên doanh nghiệp bán gỗ, chủng loại gỗ, quy cách gỗ (gỗ tròn, gỗ xẻ hay gỗ thanh), số lượng bán, cửa khẩu nhập.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

3. Bản chính hợp đồng nguyên tắc của doanh nghiệp Việt Nam ký trực tiếp với doanh nghiệp phía Campuchia.

4. Bản sao văn bản cho phép xuất khẩu của Bộ trưởng Bộ Thương mại Campuchia trong đó ghi rõ tên doanh nghiệp Campuchia được xuất khẩu, doanh nghiệp Việt Nam được nhập khẩu, loại gỗ, quy cách và số lượng.

Bộ Thương mại sẽ giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp khi nhận được văn bản cho phép xuất khẩu của Bộ Thương mại Campuchia gửi đến Bộ Thương mại Việt Nam theo đường chính thức (qua Đại sứ quán hoặc Cơ quan thương mại Việt Nam tại Campuchia hoặc qua Đại sứ quán hoặc Cơ quan thương mại Campuchia tại Việt Nam). Trường hợp văn bản cho phép xuất khẩu là của Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia gửi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam thì Bộ Thương



mại sẽ giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Các Giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia do Bộ Thương mại cấp trước ngày ban hành Thông tư này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

2. Thủ tục thanh toán tiền hàng nhập khẩu, thủ tục hải quan hàng nhập khẩu được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho các Thông tư số 03/1998/TT-BTM ngày 24/2/1998 và số 27/1999/TT-BTM ngày 30/8/1999 của Bộ Thương mại./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại  
*Thủ trưởng*

LƯƠNG VĂN TỰ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**THÔNG TƯ số 06/2000/TT-NHNN1**  
**ngày 04/4/2000 hướng dẫn thực**  
**hiện Nghị định số 178/1999/NĐ-CP**  
**ngày 29/12/1999 của Chính phủ về**  
**bảo đảm tiền vay của các tổ chức**  
**tín dụng.**

*Căn cứ khoản 1 Điều 39 Nghị định số 178/1999/  
NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ*

*về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 178), Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định này như sau:*

#### Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Mục 1. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Thông tư này hướng dẫn về các biện pháp bảo đảm tiền vay áp dụng trong việc các tổ chức tín dụng cấp tín dụng dưới hình thức cho vay đối với khách hàng vay theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

1.1. Các tổ chức tín dụng bao gồm: tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tín dụng cổ phần, tổ chức tín dụng hợp tác (ngân hàng hợp tác, quỹ tín dụng nhân dân, hợp tác xã tín dụng) tổ chức tín dụng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

1.2. Khách hàng vay bao gồm:

a) Các pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng: doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác có đủ điều kiện là pháp nhân theo quy định tại Điều 94 của Bộ Luật Dân sự;

b) Hộ gia đình;

c) Tổ hợp tác;

d) Doanh nghiệp tư nhân;